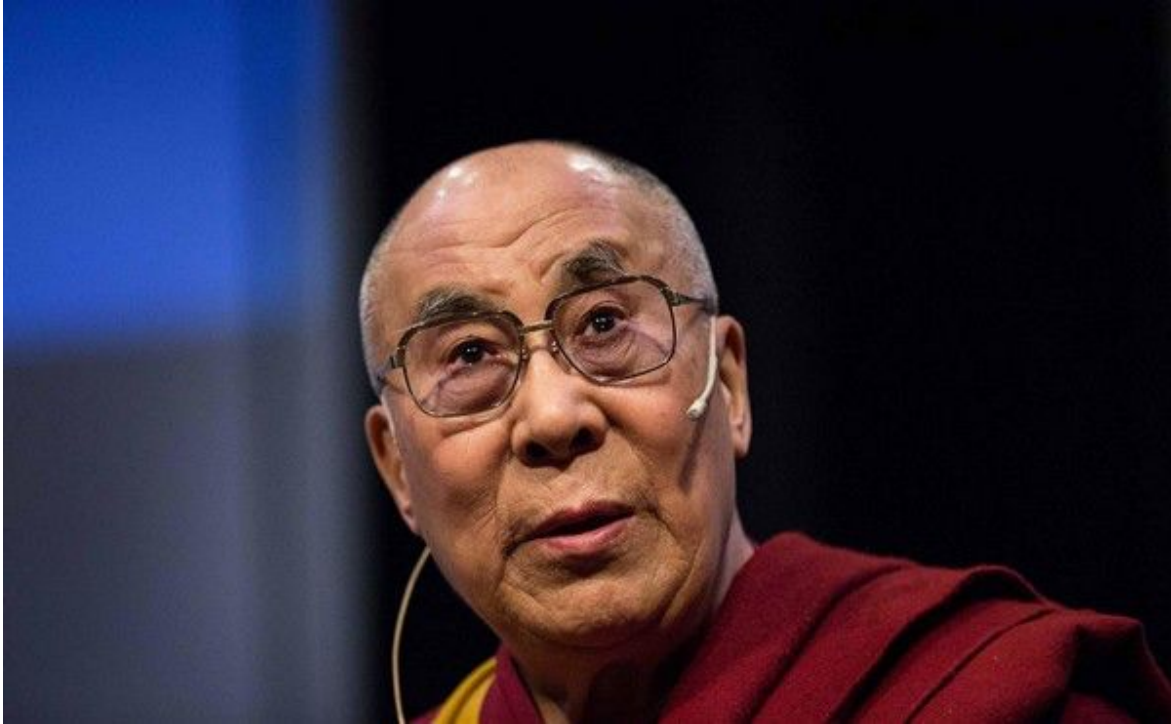


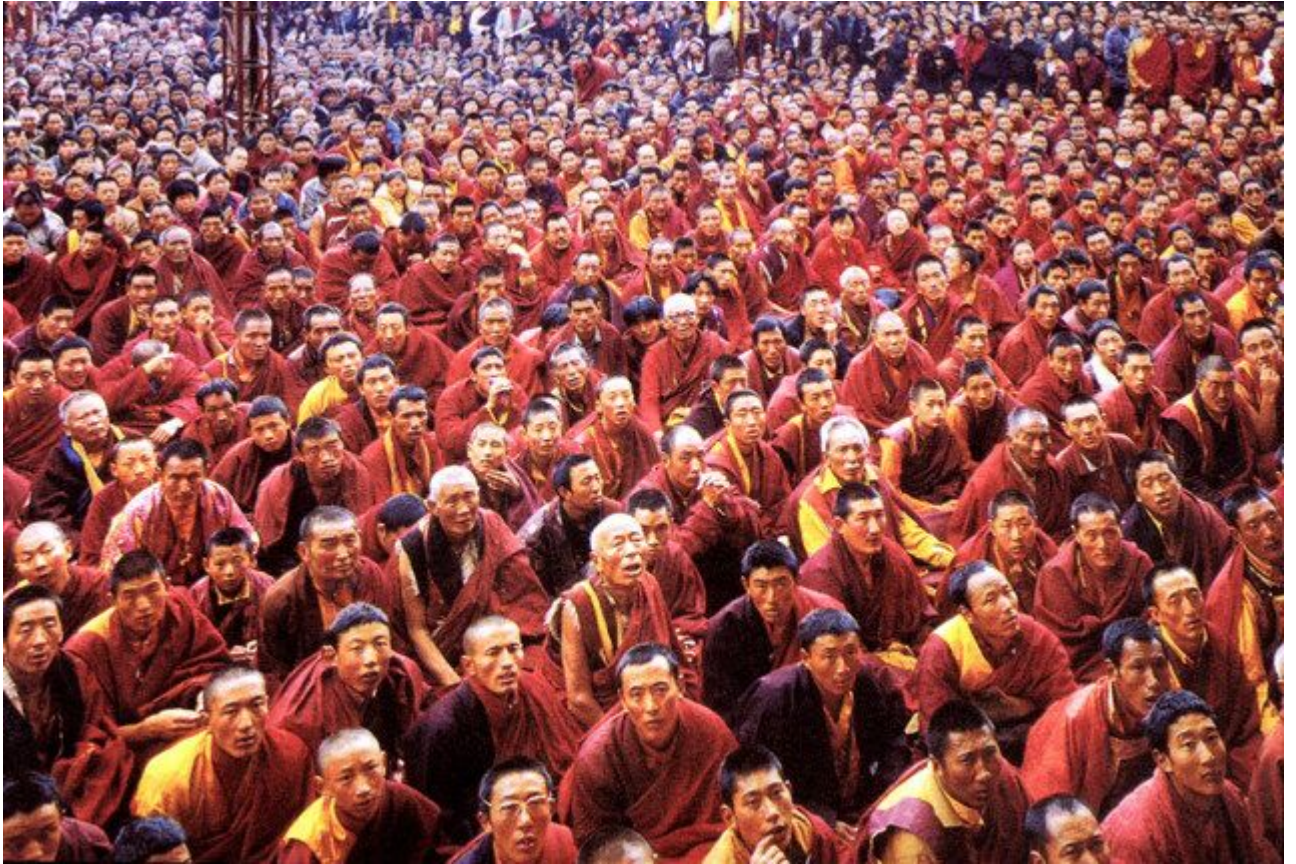
Đạo Phật và dân chủ

Dalai Lama, Washington, D.C., tháng 4 năm 1993

Trần Quốc Việt dịch



Trong suốt hàng ngàn năm người ta đã lầm tưởng rằng chỉ có tổ chức chuyên chế sử dụng những biện pháp kỷ luật cứng rắn mới có thể trị vì được xã hội con người. Tuy nhiên, vì mong muốn tự nhiên của con người là được tự do, cho nên trong suốt chiều dài lịch sử lực lượng tự do và lực lượng trấn áp xung đột không ngừng lẫn nhau. Ngày nay rõ ràng là lực lượng nào đang thắng. Sự xuất hiện các phong trào quyền lực của nhân dân lật đổ các chế độ độc tài và hữu đã chứng minh hiển nhiên rằng nhân loại không thể nào chấp nhận chế độ độc đoán và cũng không thể nào hoạt động tốt được dưới chế độ ấy.



Tuy trong các xã hội Phật giáo không có xã hội nào phát triển được điều gì tương tự như nền dân chủ trong hệ thống chính quyền của họ, nhưng bản thân tôi lại rất khâm phục nền dân chủ thế tục. Thời Tây Tạng còn tự do, chúng tôi coi trọng sự biệt lập tự nhiên của mình, tưởng lầm rằng chúng tôi có thể duy trì được sự thanh bình yên ổn như thế mãi. Do vậy, chúng tôi không màng gì đến những thay đổi diễn ra ở thế giới bên ngoài. Chúng tôi hầu như không nhận thức khi Ấn Độ, một trong những nước láng giềng gần gũi chúng tôi nhất, sau khi giành được độc lập một cách êm ả, đã trở thành một nước dân chủ lớn nhất trên thế giới. Về sau chúng tôi mới cay đắng nhận ra rằng trên trường quốc tế hay ở trong nước tự do là điều ta nên chia sẻ và tận hưởng cùng với người khác, chứ không giữ riêng cho mình.

Tuy những người Tây Tạng bên ngoài Tây Tạng giờ chỉ còn là những thân phận tỵ nạn, nhưng chúng tôi vẫn có tự do thực thi các quyền của mình. Trong khi đó, dù được sống trên quê hương, các anh chị em chúng tôi ở Tây Tạng thậm chí không có cả đến quyền sống. Cho nên trong chúng tôi những ai sống lưu vong đều có trách nhiệm nghĩ đến và phác họa ra tương lai của Tây Tạng. Vì thế, trong suốt nhiều năm qua và bằng nhiều phương tiện khác nhau chúng tôi đã cố gắng đạt đến mẫu mực của nền dân chủ đích thực. Điều này được chứng minh qua sự am hiểu tường tận của tất cả người Tây Tạng lưu vong về từ “dân chủ”.

Từ lâu tôi đã mong đợi đến ngày chúng tôi có thể nghĩ ra hệ thống chính trị phù hợp với truyền thống của chúng tôi và với những đòi hỏi cấp bách của thế giới hiện đại. Một nền dân chủ có cội rễ là bất bạo động và bình an. Chúng tôi mới đây đã khởi sự những thay đổi nhằm sẽ dân chủ hoá hơn nữa để làm cho chính quyền lưu vong của mình thêm vững chắc. Vì nhiều lý do, tôi đã quyết định tôi sẽ không lãnh đạo hay đóng vai trò gì trong chính phủ khi Tây Tạng được độc lập. Nhà lãnh đạo tương lai của chính phủ Tây Tạng phải là người được đa số nhân dân bầu lên. Sự khởi đầu như thế sẽ mang đến nhiều điều lợi ích và nhờ bước đi ban đầu như thế chúng tôi sẽ có thể trở thành một nước dân chủ thật sự và hoàn toàn. Tôi hy vọng những bước ban đầu này sẽ cho phép nhân dân Tây Tạng có tiếng nói rõ ràng trong việc quyết định tương lai của nước mình.

Sự dân chủ hoá của chúng tôi đã mở rộng đến những người Tây Tạng trên khắp thế giới. Tôi tin những thể hệ tương lai sẽ coi những thay đổi này thuộc về những thành tựu quan trọng nhất trong đời lưu vong của chúng tôi. Hoàn toàn giống như sự du nhập đạo Phật vào Tây Tạng đã hun đúc nên quốc gia chúng tôi, tôi tự tin rằng sự dân chủ hoá xã hội sẽ tăng thêm sinh lực cho nhân dân Tây Tạng và giúp các thể chế ban ra những quyết định quan trọng có thể phản ánh được những nhu cầu và nguyện vọng thật sự của nhân dân.

Tư tưởng cho rằng con người có thể sống chung tự do với nhau như những cá nhân, bình đẳng về nguyên tắc và vì thế có trách nhiệm lẫn nhau, về cơ bản là hợp với Phật tánh. Là Phật tử, những người Tây Tạng chúng tôi tôn kính nhân sinh như quà tặng quý giá nhất và tôn trọng triết học và lời dạy của đức Phật như con đường đưa đến hình thái tự do cao quý nhất. Đây là mục tiêu mọi người dù nam hay nữ đều nên đạt đến.

Đức Phật thấy mục đích thật sự của cuộc đời là hạnh phúc. Người cũng thấy tuy vô minh trói buộc chúng sinh trong triền miên phiền não và khổ lụy, nhưng trí tuệ Bát nhã soi sáng con đường giải thoát. Dân chủ hiện đại được dựa trên nguyên tắc rằng tất cả mọi người cơ bản đều bình đẳng, rằng mỗi người trong chúng ta đều bình đẳng về quyền sống, tự do, và hạnh phúc. Đạo Phật cũng thừa nhận mọi người ai ai cũng đều có nhân phẩm, và tất cả những thành viên trong gia đình nhân loại đều có quyền tự do bình đẳng và bất khả xâm phạm, không chỉ về tự do chính trị, mà còn ở mức độ tự do cơ bản là thoát khỏi cảnh đói nghèo và sợ hãi. Không phân biệt kẻ giàu người nghèo, kẻ có học hay người vô học, người nước này hay nước khác, người theo tôn giáo này hay tôn giáo khác, người trung thành với ý thức hệ này hay ý thức hệ khác, mỗi người trong chúng ta đều vẫn chỉ là một con người như bao con người khác. Không những tất cả chúng ta đều mong muốn hạnh phúc và tìm cách tránh đau khổ,

mà mỗi người trong chúng ta còn có quyền bình đẳng để mưu cầu những mục tiêu này.

Thế chế đức Phật sáng lập ra là Sangha hay tăng đoàn, hoạt động theo đường lối chủ yếu dân chủ. Bên trong giáo đoàn này, cho dù giai cấp xã hội hay đẳng cấp xuất thân nào chăng nữa, mọi cá nhân đều bình đẳng. Khác biệt rất nhỏ duy nhất về địa vị phụ thuộc vào tuổi thọ giới. Tự do cá nhân, thể hiện qua sự giải thoát hay giác ngộ, là trọng tâm chính của toàn thể cộng đồng và được đạt đến nhờ tu tâm qua thiền quán. Tuy nhiên, quan hệ hằng ngày với nhau diễn ra trên nền tảng của lòng quảng đại, sự tương kính, và hoà nhã. Khi theo đuổi cuộc đời xuất gia, chư tăng đã lánh xa mọi lo toan của cải. Song họ không sống hoàn toàn biệt lập. Tục lệ khát thực chỉ để cho họ ý thức sâu sắc hơn sự phụ thuộc của họ vào người khác. Trong cộng đồng này mọi quyết định đều thông qua bằng lá phiếu và mọi khác biệt đều được giải quyết qua sự đồng thuận. Như thế Sangha là mẫu mực về sự bình đẳng xã hội, cùng chia sẻ tài sản chung và quá trình dân chủ.

Đạo Phật về cơ bản là giáo lý thực tế. Khi bắt đầu giải quyết vấn đề đau khổ của con người, đạo Phật không khẳng định chỉ có một lời giải duy nhất. Do xác định con người vốn khác biệt nhau rất nhiều về nhu cầu, bản tánh và tài năng, nên đạo Phật thừa nhận có nhiều con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc. Là cộng đồng tinh thần, sự gắn bó của cộng đồng bắt nguồn từ ý nghĩa hợp nhất của tình anh chị em. Đạo Phật đã trường tồn trong suốt hơn hai ngàn năm trăm năm tuy không có bất kỳ tổ chức lãnh đạo trung ương chính thức rõ ràng nào. Đạo Phật đã phát triển thành nhiều hình thức đa dạng, trong khi đó, nhờ tu tập, đạo đã không ngừng hiểu mới những lời giảng dạy căn bản của đức Phật. Muốn nẻo đường đưa đến đạo này, đều do chính các cá nhân chịu trách nhiệm, rất hợp với quan điểm dân chủ.

Chúng ta ai ai cũng muốn tự do, nhưng con người nổi bật là nhờ ở thông minh. Là người tự do chúng ta có thể dùng sự thông minh duy nhất này để cố gắng hiểu mình và hiểu đời. Đức Phật dạy rất rõ ràng ngay cả các Phật tử không nên tiếp nhận mà không suy nghĩ lời dạy của Người, mà phải suy xét và kiểm chứng những lời dạy ấy như người thợ kim hoàn thử chất lượng của vàng. Nhưng nếu chúng ta bị ngăn cấm không được dùng đến khả năng phân biệt và óc sáng tạo của mình, thì chúng ta đánh mất đi một trong những đặc trưng cơ bản của con người. Vì thế, tự do chính trị, xã hội và văn hoá mà nền dân chủ tạo ra có giá trị và tầm quan trọng vô cùng.

Không có hệ thống chính quyền nào hoàn thiện, nhưng dân chủ lại gần gũi nhất với bản chất cơ bản của con người. Dân chủ cũng là nền tảng trên đây con người có thể dựng lên cấu trúc chính trị công bằng và tự do trên phạm vi toàn

cầu. Cho nên vì quyền lợi của tất cả chúng ta những ai trong chúng ta đang hưởng dân chủ nên tích cực ủng hộ quyền được hưởng dân chủ như thế của tất cả mọi người.

Mặc dù chủ nghĩa cộng sản theo đuổi nhiều lý tưởng cao quý, trong đó có sự xá thân quên mình, nhưng nỗ lực của tầng lớp cầm quyền cao nhất để áp đặt quan điểm của họ đã gây ra bao thảm khốc. Những chính quyền này đã tìm đủ mọi cách nhằm kiểm soát xã hội và xúi dục nhân dân của họ làm việc vì lợi ích chung. Ban đầu tổ chức theo đường lối cứng rắn có thể cần thiết để đánh bại được các chế độ áp bức cũ. Tuy nhiên một khi mục tiêu ấy đã đạt được, sự cứng rắn như thế lại đóng góp rất ít vào công cuộc xây dựng xã hội thật sự hợp tác. Chủ nghĩa cộng sản đã thất bại hoàn toàn vì nó dựa vào vũ lực để cổ vũ cho niềm tin của mình. Cuối cùng, bản chất con người không thể nào chịu đựng mãi đau khổ do chủ nghĩa này gây ra.

Vũ lực tàn bạo, dù có được áp dụng mạnh mẽ đến đâu chẳng nữa, vẫn không bao giờ có thể dập tắt nỗi niềm mơ ước tự do căn bản ở con người. Hàng trăm ngàn người xuống đường ở các thành phố Đông Âu đã minh chứng điều này. Họ chỉ thể hiện nhu cầu tự do và dân chủ của con người. Những đòi hỏi của họ chẳng có liên quan gì đến ý thức hệ mới nào; họ chỉ muốn bày tỏ niềm ao ước tự do chân thành của mình. Không như các chế độ cộng sản tưởng rằng người ta chỉ cần có cơm ăn, áo mặc, và nơi ở, là đủ. Bản chất sâu xa hơn trong con người còn đòi hỏi chúng ta phải thờ được khí trời tự do quý giá.

Các cuộc cách mạng ôn hoà ở Liên Xô và Đông Âu cũ đã cho chúng ta nhiều bài học lớn. Một bài học về giá trị của sự thật. Người ta không ai thích bị bắt nạt, bị lường gạt hay bị lừa dối dù bởi cá nhân hay chế độ. Những hành động như thế đi ngược lại tinh thần cơ bản của con người. Vì vậy, những ai thực hành sự gian dối và dùng đến vũ lực có thể đạt được thành công đáng kể ngắn hạn, nhưng rồi cuối cùng họ nhất định sẽ bị lật đổ.

Sự thật là người bảo đảm tốt nhất và là nền tảng thật sự của tự do và dân chủ. Không quan trọng là ta yếu hay ta mạnh hay sự nghiệp ta đeo đuổi có ít hay nhiều người theo, sự thật vẫn luôn luôn thắng. Mới đây, nhiều phong trào tự do thành công đều dựa trên sự bày tỏ chân thật những tâm tư căn bản nhất của con người. Đây là một sự nhắc nhở quý giá rằng chính sự thật vẫn hiện đang thiếu trọng trong đa phần cuộc sống chính trị của chúng ta. Nhất là trong sự hành xử trong các quan hệ quốc tế chúng ta lại càng rất ít tôn trọng sự thật. Tất yếu, các nước yếu hơn bị các nước mạnh hơn nhào nặn và lấn áp, tựa như những thành phần yếu thế trong đa số các xã hội chịu đau khổ dưới tay của thành phần giàu có hơn và quyền thế hơn. Trong quá khứ, sự bày tỏ sự thật đơn thuần thường bị bỏ qua vì xem là không thực tế, nhưng những năm vừa qua này

đã chứng minh sự thật là một sức mạnh vô cùng lớn trong tâm hồn con người và, từ đây, tạo ra sức mạnh vô cùng lớn quyết định dòng chảy của lịch sử.

Khi chúng ta đến gần cuối thế kỷ hai mươi, chúng ta nhận ra rằng thế giới ngày càng thu nhỏ lại và mọi người trên thế giới càng nép lại bên nhau như trong cùng một cộng đồng. Chúng ta cũng tự đến gần nhau hơn qua những vấn đề nghiêm trọng chúng ta cùng đối diện: bùng nổ dân số, cạn kiệt tài nguyên, và khủng hoảng môi trường mà đe dọa đến chính nền tảng tồn tại trên hành tinh nhỏ bé chúng ta cùng chung sống này. Tôi tin để đương đầu với thử thách ấy, con người sẽ phải hình thành ý thức trách nhiệm phổ quát lớn lao hơn. Mỗi người trong chúng ta phải học để nỗ lực không chỉ riêng cho bản thân, gia đình, quốc gia mình, nhưng cũng vì cho lợi ích chung của tất cả nhân loại. Trách nhiệm phổ quát là nhân tố thật sự rất quan trọng cho sự tồn vong của con người. Trách nhiệm ấy là nền tảng tốt nhất cho nền hoà bình thế giới, sự sử dụng bình đẳng tài nguyên, và bảo vệ tốt môi trường.



Nhu cầu hợp tác cấp thiết này chỉ tăng thêm sức mạnh cho nhân loại, bởi lẽ nhu cầu ấy giúp chúng ta thừa nhận rằng nền tảng vững bền nhất cho nền trật tự thế giới mới không phải đơn thuần là các liên minh chính trị và kinh tế rộng mở

hơn, mà chính là sự thực hành đích thực tình thương yêu và lòng từ bi ở từng cá nhân. Những phẩm hạnh này là suối nguồn hạnh phúc cao quý nhất của con người, và nhu cầu thương yêu và từ bi ấy chính là cốt lõi đời người chúng ta. Thực hành lòng từ bi thực ra không phải là sự biểu hiện lý tưởng không tưởng, nhưng là cách hữu hiệu nhất để theo đuổi quyền lợi tốt nhất cho người khác và cho mình. Dù là cá nhân hay quốc gia, chúng ta càng phụ thuộc vào người khác bao nhiêu thì vì quyền lợi tốt nhất của chính mình chúng ta càng nên tạo ra hạnh phúc cho họ.

Dù nền văn minh trong thế kỷ này đã tiến rất nhanh, tôi vẫn tin nguyên nhân trực tiếp nhất của vấn đề nan giải hiện nay là chúng ta đã quá nhấn mạnh chủ yếu vào sự phát triển vật chất. Chúng ta quá bận tâm đến sự mưu cầu vật chất đến độ ngay cả không biết rằng chúng ta đã không kích lệ nhu cầu căn bản nhất ở con người tức thương yêu, nhân ái, hợp tác và tương trợ. Nếu chúng ta không biết ai hay không cảm thấy gắn bó với nhóm hay cá nhân cụ thể nào, chúng ta đâu quan tâm đến nhu cầu của họ. Tuy nhiên sự phát triển của xã hội loài người là hoàn toàn nhờ vào sự giúp đỡ lẫn nhau giữa mọi người. Một khi chúng ta mất đi lòng nhân cơ bản vốn là nền tảng ấy của mình, thì ích lợi gì khi chỉ mưu cầu sự tiến bộ vật chất?

Trong hoàn cảnh hiện nay, không ai có thể trông mong người khác sẽ giải quyết vấn đề thay cho mình. Mỗi cá nhân đều có trách nhiệm góp phần hướng dẫn đại gia đình toàn cầu của chúng ta đi theo chiều hướng đúng và chúng ta phải gánh vác trách nhiệm ấy. Điều chúng ta nhắm đến chính là sự nghiệp chung của cả xã hội. Nếu xã hội nói chung thịnh đạt, thì tự nhiên mỗi cá nhân hay tập thể trong xã hội đều có lợi. Còn nếu xã hội nói chung suy sụp, thì chúng ta còn biết mong vào đâu để đấu tranh và đòi hỏi các quyền của mình?

Riêng tôi, tôi thật sự tin cá nhân có thể có ảnh hưởng tích cực đến xã hội. Là nhà sư Phật giáo, tôi cố gắng phát tâm từ bi của mình -không chỉ từ quan điểm tôn giáo, mà cũng từ quan điểm nhân đạo. Nhằm khuyến khích mình hướng đến thái độ vị tha này, đôi khi tôi thấy hữu ích khi hình dung mình, một cá nhân đứng riêng lẻ ở một bên, còn phía bên kia là cả một đám đông vô cùng lớn gồm tất cả những người khác. Rồi tôi tự hỏi: “Quyền lợi của ai quan trọng hơn?” Đối với tôi câu trả lời rất rõ ràng là, dù tôi cảm thấy mình quan trọng thế nào chăng nữa, tôi vẫn chỉ là một, còn họ là đa số.